

Số: 34 /2017/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 16 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá cụ thể đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá dịch vụ lấy nước từ sau vị trí công đầu kênh đến mặt ruộng do địa phương quản lý áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04/4/2001;

Căn cứ Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 280/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 180 /TTr-SNNPTNT ngày 25/10/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định giá cụ thể đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá dịch vụ lấy nước từ sau vị trí công đầu kênh đến mặt ruộng do địa phương quản lý áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng:

Quyết định này áp dụng đối với doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, tổ chức hợp tác dùng nước có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động hợp pháp có liên quan quản lý khai

thác công trình thủy lợi, cơ quan, tổ chức có liên quan đến quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

1. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Gia Lai áp dụng như sau:

a) Biểu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

Số thứ tự	Biện pháp công trình	Giá cụ thể (1.000 đồng/ha/vụ)
1	- Tưới tiêu bằng động lực	1.629
2	- Tưới tiêu bằng trọng lực	1.140
3	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.385

- Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì giá cụ thể bằng 60% mức giá tại Biểu trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì giá cụ thể bằng 40% mức giá tại Biểu trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì giá cụ thể bằng 50% mức giá tại Biểu trên.

- Trường hợp lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu thì giá cụ thể bằng 70% mức giá tưới tiêu bằng trọng lực.

- Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại Biểu trên.

- Trường hợp phải tách riêng mức thu cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu bằng 30% mức thu quy định tại Biểu trên.

b) Đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông thì mức sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi bằng 40% mức sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa.

2. Giá cụ thể đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại khoản 1 Điều này là giá không có thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

3. Giá cụ thể đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Quyết định này áp dụng đối với từng biện pháp tưới, tiêu và được tính ở vị trí công đầu kênh của tổ chức hợp tác dùng nước đến công trình đầu mối của công trình thủy lợi.

Điều 3. Giá dịch vụ lấy nước từ sau vị trí công đầu kênh đến mặt ruộng

Các tổ chức hợp tác dùng nước thỏa thuận với tổ chức, cá nhân sử dụng nước về giá dịch vụ lấy nước từ sau vị trí công đầu kênh đến mặt ruộng (kênh

nội đồng) tối đa bằng 50% mức giá cụ thể đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này.

Điều 4: Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.
2. Bỏ cụm từ “thuỷ lợi phí” tại tiêu đề của mục I Điều 1 và bãi bỏ điểm b khoản 2 mục I Điều 1 của Quyết định số 11/2013/QĐ-UBND ngày 07/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định chi tiết một số nội dung thực hiện Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Hoàng